

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2021/HC-PT

Ngày 24 tháng 11 năm 2021

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà
nước thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 152/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 3 năm 2021 “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1921/2020/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2042/2021/QĐPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà **Cao Ngô Thị Tuyết P**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 280 đường G, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Quang H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 26A L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 015375 quyền số 8 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/8/2018 lập tại Văn phòng công chứng N).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Văn V, Công ty Luật TNHH T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 2/304 đường X, phường H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Hoàng T, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hoàng Văn H, Chức vụ: Phó Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (nay là Thành phố T) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thanh P, Chức vụ: Phó Trưởng phòng nghiệp vụ 1 - Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận 9 (nay là Thành phố T) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 280 đường G, phường L, Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo, kháng nghị: người khởi kiện – bà Cao Ngô Thị Tuyết P và người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Cao Ngô Thị Tuyết P có đất bị thu hồi trong Dự án Đầu tư mở rộng theo lộ giới X, tại các phường P A và B, H, T và L, Quận 9 (gọi Dự án X) là 60,00m², thuộc thửa 6 tờ bản đồ số 62 tài liệu 2003 do bà P đăng ký. Tài liệu

299/TTg thuộc một phần thửa 415 tờ bản đồ số 02 do Ủy ban xã L đăng ký; Tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 46 tờ bản đồ số 1 do Nghĩa Trang Thành phố đăng ký.

Ngày 29/9/2011, Ủy ban Quận 9 ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 60,00m² cho bà Cao Ngô Thị Tuyết P (Kèm Bảng tính giá trị bồi thường ngày 26/9/2011 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9) với số tiền 9.675.000 đồng.

Ngày 04/10/2011, Ủy ban Quận 9 ban hành Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc công bố giá trị hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng cho hộ bà P là 13.213.000 đồng .

Ngày 17/03/2016, Ủy ban Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND (gọi Quyết định 83/QĐ-UBND) về việc điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND (Kèm Bảng tính giá trị hỗ trợ ngày 17/11/2015 và Bảng tính giá trị hỗ trợ lãi suất ngày 17/11/2015 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9), cụ thể:

1. Hỗ trợ đất ở mặt tiền 60,00m² x 11.300.000 đồng x 40% = 678.000.000 đồng;
2. Hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc: 12.116.000 đồng
3. Trừ tiền HT VKT và tiền đất ở MTXLHN: - 9.605.000 đồng.

Tổng cộng: 680.511.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định 83/QĐ-UBND bà P thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại Đơn khởi kiện ngày 03/01/2017; Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 09/03/2017; Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 26/8/2020; Bản tự khai và Biên bản không tiến hành đối thoại được, người khởi kiện bà Cao Ngô Tuyết P có ông Lê Quang H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần diện tích đất 60,00m², bà P được mẹ là bà Cao Thị S tặng cho năm 1992. Đất có nguồn gốc, do bà S khai phá từ năm 1978, có quá trình sử dụng

trước 15/10/1993, thuộc đối tượng không phải nộp tiền sử dụng đất, còn trong hạn mức đất ở 200m².

Quyết định 83/QĐ-UBND, Ủy ban Quận 9 ban hành ngày 17/03/2016, đến ngày 12/7/2017 bà P mới nhận được tiền bồi thường.

Căn cứ theo Phương án đã được phê duyệt thì đất ở của bà P thuộc vị trí mặt tiền đường phải được tính bồi thường, hỗ trợ nguyên giá trị là 14.600.000 đồng/m². Tại Quyết định 83/QĐ-UBND, Ủy ban Quận 9 tính bồi thường, hỗ trợ 11.300.000 đồng/m² là thiệt hại cho bà P. Vì vậy, bà P yêu cầu hủy một phần Quyết định 83/QĐ-UBND, buộc Ủy ban Quận 9 phải tính bồi thường, hỗ trợ bổ sung và tiền lãi suất do chậm chi trả cho bà P, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ: 3.300.000 đồng x 60m²;

- Tiền lãi suất từ ngày 25/03/2016 đến ngày 12/7/2017 = 468 ngày, 680.511.000 đồng x 0,07%/1 ngày x 468 ngày.

** Tại Văn bản số 2631/UBND ngày 29/8/2018, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 9 có ý kiến như sau:*

Ngày 05/7/2011, Tổ công tác của Ban bồi thường Quận 9 tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản, hoa màu của hộ bà P và ghi nhận như sau: Diện tích thu hồi 60,00m² thuộc một phần thửa 6 tờ bản đồ 62 tài liệu 2003, phường L, vị trí mặt tiền đường X.

Ngày 01/8/2011, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban phường L đã kết luận nguồn gốc đất của bà P: “*Đất công do bà S chiếm dụng năm 1994, sau năm 1994 và trước năm 1999 bà S cho lại con là bà Cao Ngô Thị Tuyết P xây dựng nhà đến nay; Thời điểm xây dựng: sau năm 15/10/1993 trước năm 30/9/1995; Đăng ký kê khai nhà đất năm 1999: do bà P đăng ký; Không có văn bản ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền...*”.

Ngày 26/4/2014, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban phường L đã kết luận nguồn gốc đất của bà P: “*- Đất công do Nhà nước quản lý trước năm 1975, đến năm 1976 bà S khai phá sử dụng, năm 1987 xây dựng nhà, năm 1993 cho lại nhà và đất cho bà P sử dụng đến nay.*

-Thời điểm xây dựng: sau năm 1993 trước ngày 22/4/2002”.

+ Về đất: Hộ bà P chiếm dụng và sử dụng 60m² đất mặt tiền X (đoạn từ ngã tư T đến ranh tỉnh B) sau ngày 15/10/1993 trước ngày 22/4/2002 nên được hỗ trợ loại đất ở giá 11.300.000 đồng/m² (14.600.000 đồng/m² trừ 100% tiền sử dụng đất).

+ Về vật kiến trúc: Hộ bà P có vật kiến trúc xây dựng trước 26/7/2004, không đủ điều kiện bồi thường về đất mà chỉ được xem xét hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% đơn giá.

+ Về lãi suất: Do được hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% đơn giá sau thời điểm ngày 07/01/2013 nên được hỗ trợ lãi suất đối với vật kiến trúc.

+ Về tái định cư: Hộ bà P chỉ được hỗ trợ đất công chiếm dụng nên không đủ điều kiện tái định cư.

Chính sách bồi thường, hỗ trợ là của Dự án xây dựng hai tuyến đường Song hành X (giai đoạn 1), Ủy ban Quận 9 tiếp xúc, hộ dân đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng theo Dự án mở rộng Quốc lộ 1 (giai đoạn 2). Căn cứ Phương án 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011; Công văn số 37/HĐTĐBT-TTr ngày 19/01/2015; Công văn số 38/HĐTĐBT-TTr ngày 19/01/2015; Công văn số 710/HĐTĐBT-TTr ngày 13/8/2015, Ủy ban Quận 9 ban hành Quyết định 83/QĐ-UBND. Quan điểm của Ủy ban Quận 9 là giữ nguyên Quyết định 83/QĐ-UBND, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

** Tại Bản tự khai ngày 26/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A có lời trình bày như sau:*

Ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại Bản án số 1921/2020/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; điểm a Khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; Khoản 2 Điều 193; Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ bổ sung quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng,

trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Ngô Thị Tuyết P: Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 phải thanh toán thêm bà Cao Ngô Thị Tuyết P một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền 680.511.000 đồng, tính từ ngày 25/03/2016 đến ngày 12/7/2017.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Ngô Tuyết P về việc hủy một phần Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 11/03/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/12/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 24/11/2020, người khởi kiện bà Cao Ngô Thị Tuyết P kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 11/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lê Quang H, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Cao Ngô Thị Tuyết P, vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, không đồng ý trừ 100% tiền sử dụng đất, với các lý do: Diện tích đất 60m² gia đình bà P bị thu hồi

theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T) có nguồn gốc là của cha mẹ bà P khai hoang, sử dụng, cất nhà từ trước ngày 18/12/1990. Năm 1993 mẹ bà P cho bà P một căn nhà và đất để sử dụng đến khi bị thu hồi; Về thời điểm sử dụng đất ổn định: Căn cứ giấy kiểm tra nhân khẩu tháng 8 năm 1992 của hộ bà Cao Thị S, bà P có tên trong danh sách nhân khẩu; Về thu tiền sử dụng đất: Trường hợp diện tích đất 60m² của bà P đủ thu hồi đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T ông Hoàng T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Hoàng Văn H, ông Nguyễn Thanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 điều chỉnh bổ sung Điều 1 của Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 nên Quyết định số 83/QĐ-UBND không thể tách rời Quyết định số 1915/QĐ-UBND. Vì vậy, khi giải quyết khiếu kiện đối với Quyết định bồi thường bổ sung số 83/QĐ-UBND thì phải áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND.

Về nội dung, Bản án sơ thẩm xác định phần diện tích 60m² đất bị thu hồi là đất công, được bà Cao Thị S là mẹ của bà P sử dụng từ năm 1976, sau đó cho lại bà P sử dụng liên tục cho đến khi bị thu hồi. Như vậy, quá trình sử dụng đất là trước ngày 15/10/1993, không bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hay phát sinh tranh chấp, nên theo khoản 9 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì trường hợp hộ bà P được bồi thường về đất. Đối với kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy Quyết định bồi thường bổ sung số 83/QĐ-UBND ngày 17/02/2016, bà P nhận thấy ngày 25/3/2016, nhưng theo phiếu chi ngày 12/7/2017 ban bồi thường mới chi trả tiền bồi thường. Như vậy là chi trả chậm tiền bồi thường, hỗ trợ, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích của bà P. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc người bị kiện phải thanh toán thêm cho bà P một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý Thuế trên số tiền 680.511.000 đồng, tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày 12/7/2017 là phù hợp, nên kháng cáo của người bị kiện là

không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P; chấp nhận Kháng nghị số 03/KNPT-VC3-V3 ngày 11/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy một phần Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 có nội dung trừ tiền thuế sử dụng đất của bà P. Đồng thời bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Ngô Thị Tuyết P; kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T); kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện ông Hoàng T Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Hoàng Văn H, ông Nguyễn Thanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 255 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Bà Cao Ngô Thị Tuyết P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P, là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 17/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9. Ngày 09/01/2017, bà Cao Ngô Thị Tuyết P có Đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 83/QĐ-UBND nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[1.5] Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Ngày 11/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 1921/2020/HC-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời, sau khi nhận được Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, ngày 24/11/2020, người khởi kiện bà Cao Ngô Thị Tuyết P có đơn kháng cáo; ngày 10/12/2020, Ủy ban nhân dân Quận 9 có đơn kháng cáo, là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 213 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 29/12/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 75/2000/QĐ-UB-NC về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng hai tuyến đường Song hành X tại phường L, Quận 9.

Ngày 13/01/2009, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 652/QĐ-UBND thu hồi 92,5m² đất của hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P để thực hiện dự án đầu tư mở rộng theo lộ giới X.

Ngày 05/7/2011, Tổ công tác của Ban bồi thường Quận 9 lập Biên bản số 088/BBKK-BBT để kiểm kê đất đai, tài sản, hoa màu của hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P và ghi nhận: diện tích thu hồi 60m² thuộc một phần thửa 6 tờ bản đồ số 62 loại đất LNK, vị trí mặt tiền đường X.

Ngày 01/8/2011, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban nhân dân phường L đã kết luận nguồn gốc đất của bà P.

Ngày 29/9/2011, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi 60,00m² của bà P (Kèm Bảng tính giá trị bồi thường ngày 26/9/2011 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9) với số tiền 9.675.000 đồng.

Ngày 04/10/2011, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc công bố giá trị hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng cho hộ bà P là 13.213.000 đồng.

Do bà P không đồng ý nhận tiền bồi thường và không bàn giao mặt bằng nên ngày 27/01/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 426/UBND-ĐTMT và Công văn số 427/UBND-ĐTMT để giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án mở rộng X và Quốc lộ 1 trên địa bàn Quận 9. Ngày 24/8/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục ban hành Công văn số 5008/UBND-ĐTMT hướng dẫn thực hiện Công văn số 426/UBND-ĐTMT. Ngày 09/9/2015, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo số 705/TB-VP kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kiến nghị liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với 18 hộ dân khu vực Nghĩa trang liệt sỹ Thành phố bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư xây dựng hai tuyến đường Song hành X, Quận 9 (trong đó có hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P).

Ngày 17/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 (Kèm Bảng tính giá trị hỗ trợ ngày 17/11/2015 và Bảng tính giá trị hỗ trợ lãi suất ngày 17/11/2015 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9), theo đó số tiền bà P được hỗ trợ thêm là 680.511.000 đồng.

Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 1915/QĐ-UBND và Quyết định số 83/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 98 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2003; Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[2.2] Về nội dung

[2.2.1] Xét nguồn và gốc quá trình sử dụng đất:

Phần đất có diện tích 60m² bị thu hồi của hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P trong Dự án xây dựng hai tuyến đường Song hành X có nguồn gốc theo Tài liệu 299/TTg (năm 1980) thuộc thửa số 415 tờ bản đồ số 2 do Ủy ban nhân dân xã L đăng ký; theo Tài liệu 02/CT-UB (năm 1992) do Nghĩa trang Liệt sỹ Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký; theo Sổ dã ngoại Tài liệu 2003 do bà Cao Thị S (mẹ của bà Cao Ngô Thị Tuyết P) đăng ký thuộc một phần thửa số 6 tờ bản đồ số 62, phường L.

Ngày 01/8/2011, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban nhân dân phường L kết luận nguồn gốc đất của bà P: *“Đất công do bà Cao Thị S (mẹ bà P) chiếm dụng năm 1994, sau năm 1994 và trước năm 1999 bà S cho lại con là bà Cao Ngô Thị Tuyết P xây dựng nhà đến nay; Thời điểm xây dựng: sau năm*

15/10/1993 trước năm 30/9/1995; Đăng ký kê khai nhà đất năm 1999: do bà P đăng ký; Không có văn bản ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền... ”.

Ngày 26/4/2014, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban nhân dân phường L kết luận nguồn gốc đất của bà P: “- Đất công do Nhà nước quản lý trước năm 1975, đến năm 1976 bà S khai phá sử dụng, năm 1987 xây dựng nhà, năm 1993 cho lại nhà và đất cho bà P sử dụng đến nay. - Thời điểm xây dựng: sau năm 1993 trước ngày 22/4/2002”.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất có diện tích 60m² bị thu hồi của hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P đã được bà S (mẹ bà P) sử dụng công khai, ngay tình trước năm 1993, việc sử dụng ổn định lâu dài từ sau năm 1980 không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử phạt vi phạm hành chính nên không có cơ sở xác định bà P có hành vi lấn chiếm đất.

Căn cứ Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”.

Và tại Khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 quy định: “Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường”.

Đồng thời, theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Trường hợp thu hồi đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau: Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất”.

Do đó, mặc dù đất do Ủy ban nhân dân phường L và Nghĩa Trang Thành phố đăng ký, kê khai nhưng lại không quản lý, sử dụng mà bà Cao Thị S và bà P mới là người trực tiếp quản lý, sử dụng ngay tình không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử phạt nên có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc được bồi thường khi thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 và Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên.

[2.2.2] Căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất

Ngày 17/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011, theo đó hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P số tiền 680.511.000 đồng; trong đó: Về đất được hỗ trợ loại đất ở nhưng phải trừ 100% tiền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Như đã phân tích ở trên, thì phần đất bà Cao Ngô Thị Tuyết P sử dụng có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc được bồi thường khi thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 và Khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; điểm a Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, ngày 17/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND về việc điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 thì cần phải áp dụng các quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất (Luật đất đai năm 2003).

Cụ thể, tại điểm a Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đối tượng **không phải nộp tiền sử dụng đất**: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: Đất đã sử dụng ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận không có tranh chấp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003;*”.

Theo quy định tại phần III mục 2 tiểu mục a của Thông tư số 117/2004/TT-BTC hướng dẫn điểm a Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên cũng quy định: “*Đất đang sử dụng ổn định được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; trong trường hợp đất đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 không có tranh chấp thì không phân biệt người*

*người xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là người đã sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 hoặc là người sử dụng đất sau ngày 15 tháng 10 năm 1993 (do nhận chuyển nhượng, thừa kế, hiến, tặng...) khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất **đều không phải nộp tiền sử dụng đất;***”

Mặt khác, quy định này cũng phù hợp với các quy định của pháp luật đất đai hiện hành (Luật đất đai năm 2013): Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 như sau: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nếu được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:*

*a) Trường hợp đất có nhà ở thì người sử dụng đất **không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng trong hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân;***”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 về việc điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011, theo đó hỗ trợ bồi thường theo giá đất ở cho bà Cao Ngô Thị Tuyết P nhưng phải trừ 100% tiền sử dụng đất, là không phù hợp với các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên.

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Ngô Thị Tuyết P và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa bản án sơ thẩm, hủy một phần Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 đối với nội dung phải trừ 100% tiền sử dụng đất.

[2.3] Về khoản tiền lãi do chậm chi trả:

Xét thấy, Dự án xây dựng tuyến đường Song hành X Quận 9 có lập Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 và Phương án này đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 phê duyệt theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 23/6/2011. Ngày 17/03/2016, Ủy ban nhân dân Quận 9 ban hành Quyết định số 83/QĐ-UBND về điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011, theo đó hỗ trợ bổ sung cho bà Cao Ngô Thị Tuyết P số tiền 680.511.000 đồng. Ngày 25/03/2016, bà P nhận được Quyết định số 83/QĐ-

UBND nêu trên. Tuy nhiên, đến ngày 12/7/2017, Ban bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Quận 9 mới thực hiện chi trả số tiền này cho bà P là có sự chi trả chậm tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại điểm c Mục 4 Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đã có Phương án được phê duyệt trước ngày 01/7/2014.

Mặt khác, căn cứ khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”*.

Ủy ban nhân dân Quận 9 kháng cáo không đồng ý chi trả số tiền lãi cho bà P và viện dẫn điểm b Mục 1 Công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên để cho rằng không áp dụng trả lãi đối với các trường hợp dự án đã được điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ về đất. Tuy nhiên, quy định tại điểm b Mục 1 nêu trên được áp dụng để không tính lãi chậm trả từ thời điểm có phương án bồi thường, quyết định bồi thường ban đầu đến thời điểm chi trả bồi thường mới đối với các dự án đã được điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ về đất. Trong trường hợp này, việc chậm trả của Ủy ban nhân dân Quận 9 là từ thời điểm ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung (Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016) đến thời điểm thực hiện chi trả (ngày 12/7/2017), nên phải chịu lãi suất với thời gian chậm trả là phù hợp. Do đó, kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận 9 là không có cơ sở để chấp nhận.

Do Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 bị hủy một phần liên quan đến việc trừ 100% tiền sử dụng đất dẫn tới số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà P có sự thay đổi nên cần thiết buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 thực hiện việc chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp, tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo luật định.

[3] Về án phí:

Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Cao Ngô Thị Tuyết P không phải chịu. Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Cao Ngô Thị Tuyết P; Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu do bản án hành chính sơ thẩm bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Ngô Thị Tuyết P;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1921/2020/HC-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Ngô Thị Tuyết P:

- Hủy một phần Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 680.511.000 đồng của hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P, địa chỉ số 280 đường Giãn Dân, phường L, Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ về quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết P, địa chỉ số 280 đường Giãn Dân, phường L, Quận 9 (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và phải thực hiện việc chi trả thêm cho bà Cao Ngô Thị Tuyết P một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Cao Ngô Thị Tuyết P không phải chịu. Hoàn lại cho bà P số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0048261 ngày 29/11/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Cao Ngô Thị Tuyết P không phải chịu. Hoàn lại cho bà P số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0093127 ngày 01/12/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0093486 ngày 06/01/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh